

Bản án số: 05/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 05 – 3 - 2021.

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Nguyễn Kim Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Phương D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 64/3, ấp 3, thị trấn Long P, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 64/3, ấp 3, thị trấn Long P, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Phương D trình bày:

Vào năm 2006, bà và ông T có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long P vào ngày 03/3/2006. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Trong thời gian chung sống bà và ông T có hai người con tên Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 và Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007. Hiện nay cháu Khang sống với ông T, cháu Nhi sống chung với bà. Bà đồng ý giao cháu Khang cho ông T được trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con

Trong quá trình chung sống bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Phương D.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và bà D không cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung tên Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Phương D xác định trong thời gian chung sống ông Nguyễn Minh T và bà Đặng Thị Phương D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: T báo về việc thụ lý vụ án; T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Minh T.

Bên cạnh đó, bà Đặng Thị Phương D vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị Phương D

[2] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long P. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T và bà Đặng Thị Phương D là hợp pháp.

Bà Đặng Thị Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Xét yêu cầu của bà Đặng Thị Phương D Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, ông Nguyễn Minh T không lo chăm sóc cho gia đình. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi T báo về việc thụ lý cho ông Nguyễn Minh T nhưng không có văn bản P.c đáp và giữa bà Đặng Thị Phương D, ông Nguyễn Minh T từ khi sống ly thân vào năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Phương D, ông Nguyễn Minh T của Tòa án nhân dân huyện Long P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Minh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Phương D được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

[3] Về con chung: Bà D đồng ý giao cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. và bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007. Xét thấy, hiện nay cháu Khang đang sống với ông T, cháu Khang cũng có nguyện vọng được sống với ông T; cháu Nhi đang sống với bà D, cháu Nhi cũng có nguyện vọng được sống với bà D và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D đồng ý giao cho ông T là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 và bà D là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 là có căn cứ;

Bà Đặng Thị Phương D có quyền thăm nom cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 và ông Nguyễn Minh T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Minh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011; Bà Đặng Thị Phương D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu

Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà D cho rằng trong thời gian chung sống bà D, ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Phương D và ông Nguyễn Minh T được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Ông Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011. Bà Đặng Thị Phương D có quyền thăm nom cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 không ai được cản trở.

Ông Nguyễn Minh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đặng Thị Phương D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Khang.

2.2. Bà Đặng Thị Phương D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007. Ông Nguyễn Minh T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 không ai được cản trở.

Bà Đặng Thị Phương D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Phương Nhi.

3. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Phương Nhi, sinh ngày 24/02/2007 do bà Đặng Thị Phương D không yêu cầu.

Bà Đặng Thị Phương D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 13/3/2011 do ông Nguyễn Minh T không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Phương D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0007202 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long P. Như vậy, bà Đặng Thị Phương D đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự Pc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long P;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Long P;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long P;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA